

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/02/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+TD5+TD3	7:25	2+15+5	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
2		TD3+JS2+RC4	9:25	20+2+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RP2 - TD5 - TD3	CREW: Phong - ĐNam - Toan	ETA: 09:30
XANH-1			

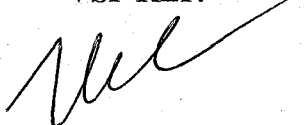
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ANH TUAN	RP2	80	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐUC MINH	RP2	81-82	2	18		64	CODIEN	Vietnamese
3	HA VAN DUNG	TD5	89	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
4	HA THANH TUNG	TD5	91	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN HAI	TD5	98	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH DUY THANH	TD5	87	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
7	LE ANH NGUYEN	TD5	88	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THE	TD5	94	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN THIEU	TD5	99	1	10	40	82	KHOAN	Vietnamese
10	MAI TRUONG TRUNG	TD5	97	1	2		54	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN ĐAM	TD5	90	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
12	VU XUAN ANH*PK-PVD	TD5	92	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN LUAN	TD5	86	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
14	ĐAO THANH SON	TD5	95	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VINH DUY	TD5	93	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
16	VO HUU TAN	TD5	85	1	5		76	DVL	Vietnamese
17	TRAN MINH HUNG	TD5	96	1	3		85	PSV	Vietnamese
18	ĐOAN QUANG BAC	TD3	82	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN THO	TD3	86	1	5	75	67	KHOAN	Vietnamese
20	VO VAN DUNG	TD3					87	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG MINH TOAN	TD3	81	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
22	TRANG NGOC HUNG	TD3	83-84	2	10		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

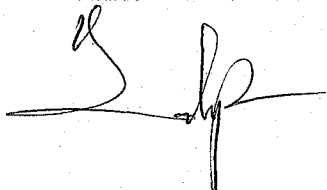
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	2	3	28	129	0	0		
2	TD5	15	15	77	1,090	40	13		
3	TD3	5	5	23	344	75	9		
TOTAL		22	23	128	1.563	115	22		
WEIGHT KG				128	1.563	115			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: TD3 - JS2 - RC4	CREW: Phong - ĐNam - Toan	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH DUY SON	TD3	34	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
2	ĐAO TIEN THIET	TD3	29	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
3	LAI THE DAT	TD3	35	1	9		86	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ MẠNH THẮNG	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN CHUNG	TD3	26	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG BĂNG	TD3	21	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN BÙU TAM	TD3	22	1	7		108	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THẮNG LỢI	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH VIỆT DŨNG	TD3	33	1	5		55	DVL	Vietnamese
10	TRẦN THAI AN	TD3	24	1	8		70	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD3	31	1	4		66	DVL	Vietnamese
12	QUÁCH ĐẮC THẠNH	TD3	23	1	5		48	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG	TD3	28	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	HOANG VĂN THẮNG	TD3	27	1	3		50	PSV	Vietnamese
15	ĐO XUAN CHINH	TD3	20	1	8		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN PHÚ QUANG	TD3	32	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	PHẠM VĂN DUÂN	TD3					75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD3	19	1	7		70	PSV	Vietnamese
19	LÊ THANH CHÂU	TD3	30	1	6		73	PSV	Vietnamese
20	BUI ĐỨC ANH	TD3	25	1	6		70	PSV	Vietnamese
21	LÊ THANH LẠC	JS2	26	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
22	VU QUANG TRƯỜNG	JS2	27	1	14	70	65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

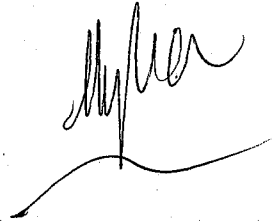
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	17	107	1.393	0	19		
2	JS2	2	2	24	122	70	2		
3	RC4	0	0	0	0	20	1		
TOTAL		22	19	131	1.515	90	22		
WEIGHT KG				131	1.515	90			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/02/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+P9+P11	7:25	2+16+4	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
2		P2+TD5+C10	7:25	22+0+0	0+0+0		10+9+3	0+0+0	1 VÉ BỞ SAU ĐI BK5
3		BK5+BK3+P10	9:25	5+6+11	0+0+0		0+7+12	0+0+0	
4		BK4+BK10+TD2	9:25	7+7+8	0+0+0		5+7+8	0+0+0	
5		BK6+P10+P4	11:25	9+13+0	0+0+0		0+12+2	0+0+0	
6		P2+P9+P7	11:25	10+11+0	0+0+0		11+8+2	0+0+0	

TTBDSX

1/ĐI VỀ TRONG NGÀY P7-2NG;
2/1 NGƯỜI P2 VỀ BỞ SAU ĐÓ ĐI BK5

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P7 - P9 - P11	CREW: Vận - KHOẢN - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ANH HUYNH	P7	44	1	3		68	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN BÁ THANH	P9	69	1	5	65	70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN QUÊ	P9	88	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH HAI	P9	87	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TAM THUY	P9	68	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	79	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG THẾ DUNG	P9	73	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ LĂNG TÚ	P9	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	67	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN LINH	P9	80-81	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NAM GIANG	P9	86	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	75-76	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	78	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐÀ KHA	P9	74	1	2		88	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỮU TRI	P9	71	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUY	P9	72	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	P11	19	1	2	45	62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRONG BĂNG	P11	18	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG HIỆU	P11	16-17	2	16		54	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆN	P11	15	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

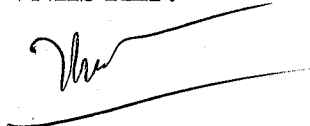
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	1	1	3	68	0	0		
2	P9	16	18	87	1.137	65	16		
3	P11	4	5	23	252	45	6		
TOTAL		21	24	113	1.457	110	22		
WEIGHT KG				113	1.457	110			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

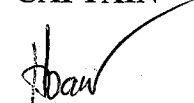
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P2 - TD5 - CLO	CREW: VThắng - Hôi - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	P2	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN DOÀN HUƠNG	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN VIỆN	P2	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PARSHIN	P2	69-70	2	10		86	KH-THAC	Russian
5	VŨ VĂN CUƠNG	P2	74	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	P2	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2	71-72	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
9	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	77	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH ỨT	P2	78	1	4	50	64	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRI HAO	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ CÔNG ANH	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ XUÂN TUÂN	P2	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	73	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG THẾ VINH	P2	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH THUẬN	P2	65	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI HOANG TAM	P2	79	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ ĐÌNH TUYẾN	P2	82	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	81	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HOANG	P2	86-87	2	7		67	CO DIEN	Vietnamese
22	HOANG MINH QUÂN	P2					60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	20	91	1.556	50	10		
2	TD5	0	0	0	0	30	9		
3	CLO	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		22	20	91	1.556	100	22		
WEIGHT KG				91	1.556	100			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	TO: BK5 - BK3 - P10	CREW: Vậ - XHOÀN - Luy	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK5	65	1	5	30	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SOAI	BK5	63	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG QUANG TẾ	BK5	64	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO VĂN HỘI	BK5	66	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI HAI HA	BK3	32	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CÔNG VINH	BK3	35	1	5	50	74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BÀ DUY	BK3	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NAM TRUNG	BK3	30-31	2	17		85	CODIEN	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	BK3	33-34	2	15		78	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	51	1	5		60	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TRONG BÌNH	P10	91	1	5		67	YTE	Vietnamese
12	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					50	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN THẮNG	P10	82	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC KHANH	P10	83	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	81	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	84	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	80	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG SỸ NGUYỄN	P10	87	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẬU THỂ HAI	P10	88	1	5	15	76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THỂ HÙNG	P10	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ BẢO TRUNG	P10	90	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	P10	86	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	4	23	280	30	0		
2	BK3	6	8	52	422	50	7		
3	P10	12	11	56	872	15	15		
TOTAL		22	23	131	1.574	95	22		
WEIGHT KG				131	1.574	95			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	TO: BK4 - BK10 - TD2	CREW: VThắng - Hôi - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAKIN A.M	BK4	46	1	9	56	86	KH-THAC	Russian
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	88	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC BA	BK4	85	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	BK4	91	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	BK4	92	1	7		73	CODIEN	Vietnamese
6	HOANG QUỐC HUY	BK4				21	81	CODIEN	Vietnamese
7	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	87	1	5		63	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	22	1	6	55	64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	21	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CHÂU NAM	BK10	18	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	BK10	19	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	23	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	20	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI CAO ĐỊNH	BK10	16-17	2	7		57	PSV	Vietnamese
15	SYSTEROV R.	TD2	74-75	2	12	14	79	KH-THAC	Russian
16	VOEVOD CHENKOV N.	TD2	76-77	2	10		95	KH-THAC	Russian
17	TRẦN MẠNH HÙNG	TD2	78	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG KHA	TD2	80	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯU TIẾN THÀNH	TD2	82	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN QUANG HOÀNG	TD2	81	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD2	79	1	7		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	7	6	34	526	77	5		
2	BK10	7	8	52	470	55	7		
3	TD2	7	9	57	519	14	8		
TOTAL		21	23	143	1.515	146	20		
WEIGHT KG				143	1.515	146			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 05	TO: BK6 - P10 - P4	CREW: Vận - KHOÀN - Luy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN ĐÌNH	BK6	92	1	15	40	70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK6	98-99	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ HỒNG DƯƠNG	BK6	89,90	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HAI	BK6	93-94	2	16		61	XAYLAP	Vietnamese
5	NGO VĂN QUÂN	BK6	91	1	16		51	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN LẠC	BK6	95	1	19		91	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC PHÁT	BK6	87-88	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN TUÂN	BK6				25	61	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	BK6	86	1	19		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	41	1	4	45	80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	94	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	98	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỮU TRI	P10	95	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH QUANG	P10	42	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	92	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN BAO TOÀN	P10	99	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					84	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH CÔNG VĂN	P10	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	96	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	3000	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THAO	P10					65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	9	12	133	598	65	0		
2	P10	12	10	49	869	45	9		
3	P4	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	22	182	1.467	110	11		
WEIGHT KG				182	1.467	110			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 06	TO: P2 - P9 - P7	CREW: VThắng - Hôi - N Nam	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO ĐẮC DÂN	P2	88-89	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN BA THUẬN	P2	92	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM TIẾN CUÔNG	P2	94-95	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG TIẾN TOÀN	P2	97-98	2	17	40	80	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY BAI	P2	90-91	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN THAI BÌNH	P2	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LƯU VŨ	P2	26	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG CUÔNG*	P2	27	1	7		65	ANTOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỨC	P2					65	T-TIN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TÀI	P2	96	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	TRẦN THE NHAN	P9	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HUỖ SẦY	P9	26	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI CÔNG THẮNG	P9	20	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC ĐO	P9	25	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	P9	28	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HUY KIỆM	P9	21	1	5	75	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN THANH	P9	31	1	7		85	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG PHU	P9	30	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
21	HỒ ĐỨC HIỂN	P9	27	1	5		47	YTE	Vietnamese
22	NGUYỄN THE HUY	P9	22	1	10		70	COKHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	13	98	688	40	10		
2	P9	12	12	75	806	75	8		
3	P7	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	25	173	1.494	115	19		
WEIGHT KG				173	1.494	115			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/02/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+TTC1+CI	7:25	16+6+0	0+0+0		4+6+1	0+0+0	
2		P6+P8 +CTK 3	7:25	19+3 + 0	0+0		17+5 + 1	0+0	
3		VSP01+TD5+IS2	7:25	20+0+2	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
4		P8+HST	9:25	20+2	0+0		19+3	0+0	
5		P6+VSP01	9:25	15+7	0+0		5+12	0+0	
6		AMD+TGTH4+TGTH5	9:25	17+3+2	0+0+0		16+3+2	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TTC2 - TTC1 - CLI	CREW: Phong - Hạnh - HIẾU	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG QUỐC BẢO	TTC2					70	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN THUC	TTC2	56	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ MẠNH HUNG	TTC2	59	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	54	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC TUÂN	TTC2	50	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN THANH	TTC2	62-63	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN LỘC	TTC2	41	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ QUANG PHÚC	TTC2	40	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC QUANG	TTC2	51	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
10	VÔ TIẾN PHÁT	TTC2	57-58	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÌNH QUANG SƠN	TTC2	46-47	2	17		50	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG ĐÌNH	TTC2	48-49	2	17	40	70	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG ĐÌNH VINH	TTC2	43-45	3	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN Y	TTC2	42	1	5		50	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ ANH MINH	TTC2	52-53	2	15		75	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	55	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN THANH	TTC1	41	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU HAU	TTC1					75	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	36-37	2	5		90	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG QUANG TUU	TTC1	33-34	2	10	50	65	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN NAM SƠN	TTC1	42	1	7		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	16	22	175	1.076	40	4		
2	TTC1	6	7	32	442	50	6		
3	CLI	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	29	207	1.518	90	11		
WEIGHT KG				207	1.518	90			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: P6 - P8 - CTK3	CREW: PHÚ - Cường - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	71	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
2	GOLOVIN GENNEDIY VLADIMIR	P6	67	1	8		89	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN VAN TAI	P6	11	1	6	16	60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN KHUONG	P6	16	1	5	55	79	KH-THAC	Vietnamese
5	VU DINH SY	P6	77,99	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DUC HOE	P6	05	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN CU	P6	10	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI MANH KHANH CUONG	P6	52	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THIN	P6	06	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHU	P6	68	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN DOA	P6					57	KH-THAC	Vietnamese
12	VU THANH DO	P6	12	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUY HUNG	P6	13-14	2	13		64	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÔNG XUAN PHU	P6	15	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN HUY THONG	P6	70	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM VAN KHUONG	P6	07-08	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO VAN SANG	P6	76	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGOC AN	P6	09	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO KIM SÂM	P6	69	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN QUY	P8	71	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH CHANH PHAT	P8	72	1	5	55	65	KH-THAC	Vietnamese
22	LUONG VAN QUYET	P8	73	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	19	21	129	1.312	71	16		THAY CA ĐIỀU PHẢI D H THANG
2	P8	3	3	16	190	55	5		
3	CTK3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	145	1.502	126	22		
WEIGHT KG				145	1.502	126			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: VSP01 - TD5 - JS2	CREW: Vận - KHOÀN - N.Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV A.A.	VSP01	04	1	5	60	118	KH-THAC	Russian
2	PASKEVICH V.V.	VSP01	05	1	12		102	KH-THAC	Russian
3	TRUONG HIEN	VSP01	41	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ QUANG HUY	VSP01	42-43	2	11		71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THANH PHU	VSP01	44	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUY PHUC	VSP01	09	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	GURIN V.V.	VSP01	03	1	5		100	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN DUY BINH	VSP01	45	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	16	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MIT	VSP01	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC BE	VSP01	06	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO XUAN DUC	VSP01	18	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH VAN THON	VSP01					77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	02	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN XUAN THUY	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN BA NGOC	VSP01	17	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ANH THANG	VSP01	07	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN VIET DANG	VSP01	40	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	KARPUNIN A.	JS2	90	1	13	37	95	KHOAN	Russian
22	MULNIUCHKIN V. V	JS2	08	1	14	16	92	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

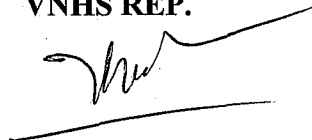
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	20	17	92	1.554	60	14		
2	TD5	0	0	0	0	0	4		
3	JS2	2	2	27	187	53	4		
TOTAL		22	19	119	1.741	113	22		
WEIGHT KG				119	1.741	113			

GRAND TOAL: 1.973 KGS

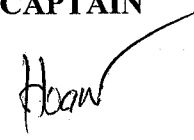
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P8 - HST	CREW: PHÚ - Cương - TDUNG	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN ANH	P8	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG HIỀN	P8					75	KH-THAC	Vietnamese
3	TIKHONOV	P8	84	1	8		99	KH-THAC	Russian
4	LÊ VĂN TÂN	P8	81	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	80	1	7	20	68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU DUNG	P8	88	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P8	86	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	87	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	78	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIỀN DUNG	P8	92	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN ANH ĐỨC	P8	91	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	82	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	89	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG HAI HÀ	P8	94	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THANH HOANG	P8	90	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH VINH	P8	93	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO ĐỨC THAI	P8	79	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TIỀN	P8	85	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	83	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG TRUNG HẬU	P8	77	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THANH QUANG	HST	11-12	2	12		75	TLJOC	Vietnamese
22	TRÌNH BÍCH NGỌC	HST	09-10	2	15		70	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

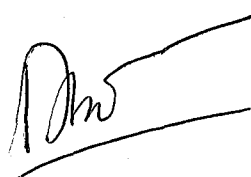
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	20	19	89	1.366	20	19		
2	HST	2	4	27	145	0	3		
TOTAL		22	23	116	1.511	20	22		
WEIGHT KG				116	1.511	20			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: P6 - VSP01	CREW: Phong - Hạnh - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐỨC DŨNG	P6	58	1	7	27	85	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HOANG TUNG	P6	51-52	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LỢI	P6	56-57	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG	P6	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG THAI SƠN	P6	40	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC AN	P6	55	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO HONG THANH	P6	48	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG KHOAI	P6	42	1	11		67	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VĂN THIẾT	P6	59	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LUONG VAN LEN	P6	41	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG VĂN	P6	43-44	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DE	P6	60,78	2	20		56	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN DUC CHIN	P6	46-47	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN SƠN	P6	79	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
15	VUONG VAN THONG	P6	38-39	2	11		58	YTE	Vietnamese
16	TRẦN ANH TUẤN	VSP01	96	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	05	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	600	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	95	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG LONG	VSP01	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	VU QUANG THÀNH	VSP01	98-99	2	8		68	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	15	21	168	1.017	27	6		
2	VSP01	7	8	40	491	0	12		
TOTAL		22	29	208	1.508	27	18		
WEIGHT KG				208	1.508	27			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: AMD - TGTH4 - TGTH5	CREW: Vận - XHOÀN - NNam	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUÂN TẠO	AMD	64-65	2	10	60	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG DỪNG	AMD	67-68	2	9		71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH VĂN PHA	AMD	80	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	69	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	66	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO ĐỨC HUY	AMD	76	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	78	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN DỪNG	AMD	82	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THƯ	AMD	81	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	71-72	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN LÂM	AMD	63	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRUNG	AMD	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG LINH (PVDT)	AMD	79	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI TRẦN LIÊM	AMD	74-75	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	77	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT THẮNG	AMD	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHUNG MINH HAI	TGTH4	10	1	8		75	HLJOC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	TGTH4	11	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	12-13	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VĂN HƯƠNG	TGTH5	62	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN MINH KIẾN	TGTH5	63	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	21	125	1.190	60	16		
2	TGTH4	3	4	31	212	0	3		
3	TGTH5	2	2	15	140	0	2		
TOTAL		22	27	171	1.542	60	21		
WEIGHT KG				171	1.542	60			

GRAND TOTAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN